

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 IAC-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VIAS 070
---	--	--

Số: 383/2025/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty nhôm Đắk Nông - TKV

Thời gian quan trắc: 23/05/2025

Thời gian đo, phân tích: 23/05/2025 – 12/06/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thuý Linh, Trần Thị Nhài, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Nước thải sản xuất nhà máy Tuyển - Hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện		C _{max}	C
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	4÷50	23,6	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,1	5,5÷ 9	5,5 ÷ 9
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	2,0	43,6	121,5	150
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	3	32	81	100
5	NH ₄ ⁺	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	0,02	3,6	8,1	10
6	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	5	46	150	150
7	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,0	28,8	40,5	50
8	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	0,081	0,1
9	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2023	0,0003	KPH	0,0081	0,01
10	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	0,0045	0,405	0,5
11	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	0,0023	0,081	0,1
12	Cr ⁶⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	KPH	0,081	0,1
13	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023 SMEWW 3113B:2023	0,003	KPH	0,81	1
14	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,09	1,62	2
15	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,12	2,43	3
16	Ni	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,02	KPH	0,405	0,5
17	Mn	mg/l	SMEWW 3500B:2023	0,062	0,15	0,81	1
18	Fe	mg/l	SMEWW 3500B:2023	0,02	0,20	4,05	5
19	CN ⁻ (*)	mg/l	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	0,01	KPH	0,081	0,1
20	Phenol (*)	mg/l	TCVN 6216:1996	0,001	KPH	0,405	0,5
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1	KPH	8,1	10
22	S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ₂ .B&D:2023	0,04	0,36	0,405	0,5
23	F ⁻	mg/l	SMEWW 4500-F .B&D:2023	0,1	0,33	8,1	10
24	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	3	KPH	32,4	40
25	Tổng P	mg/l	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,02	0,72	4,86	6
26	Cl ⁻	mg/l	TCVN 6194-1996	2,0	89,2	810	1000

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	  VIETNAM VILAS 070

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Nước thải sản xuất nhà máy Tuyển - Hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện		C _{max}	C
27	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2	KPH	1,62	2
28	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2	1700	5000	5000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	SMEWW 7110B:2023	0,004	KPH	0,1	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	SMEWW 7110B:2023	0,03	KPH	1	1,0
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (*)	mg/l	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E	0,00001	KPH	0,081	0,1
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ (*)	mg/l		0,00004	KPH	0,81	1
33	Tổng PCB (*)	mg/l		0,00001	KPH	0,0081	0,01

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu phân tích bởi nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài (Có phiếu kết quả của nhà cung cấp kèm theo).

- C_{max} là nồng độ tối đa cho phép ($C_{max} = C \times K_q \times K_f$)

- C là giá trị nồng độ tối đa cho phép của chất ô nhiễm quy định trong QCVN 40:2011/BTNMT

- K_q là hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải ($K_q = 0,9$). K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_f = 0,9$).

**ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH**

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Huệ



Lê Bình Dương




Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	 
	Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	

Số: 384/2025/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty nhôm Đắk Nông - TKV

Thời gian quan trắc: 23/05/2025

Thời gian đo, phân tích: 23/05/2025 – 12/06/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thuỳ Linh, Trần Thị Nhài, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Nguồn nước đầu vào hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	Nước thải sản xuất nhà máy Alumin - Hệ thống xử lý nước thải tập trung D10	QCVN 40:2011/ BTNMT(Cột B)	
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện			C _{max}	C
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	4÷50	-	33,1	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	-	6,9	5,5÷ 9	5,5 ÷ 9
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	2,0	122,6	34,5	121,5	150
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	3	-	27	81	100
5	NH ₄ ⁺	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ B&F:2023	0,02	-	0,47	8,1	10
6	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	5	-	24	150	150
7	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,0	-	24,0	40,5	50
8	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	-	KPH	0,081	0,1
9	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2023	0,0003	-	KPH	0,0081	0,01
10	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	-	0,0048	0,405	0,5
11	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	-	0,0022	0,081	0,1
12	Cr ⁶⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	-	KPH	0,081	0,1
13	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023 SMEWW 3113B:2023	0,003	-	KPH	0,81	1
14	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	-	0,13	1,62	2
15	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	-	0,16	2,43	3
16	Ni	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,02	-	KPH	0,405	0,5
17	Mn	mg/l	SMEWW 3500B:2023	0,062	-	0,37	0,81	1
18	Fe	mg/l	SMEWW 3500B:2023	0,02	-	0,68	4,05	5
19	CN ⁻ (*)	mg/l	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	0,01	-	KPH	0,081	0,1
20	Phenol (*)	mg/l	TCVN 6216:1996	0,001	-	KPH	0,405	0,5
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1	-	KPH	8,1	10
22	S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S2.B&D:2023	0,04	-	0,26	0,405	0,5

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	 IAC-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 070
---	--	--

Số: 385/2025/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty nhôm Đắk Nông - TKV

Thời gian quan trắc: 23/05/2025

Thời gian đo, phân tích: 23/05/2025 – 12/06/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thuý Linh, Trần Thị Nhài, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Nước đầu ra khu vực trồng cây thử nghiệm, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường bằng đất, phù sa sau tuyển rửa, được bồi tụ trên bờ moong khai thác quặng bauxite Nhân Cơ	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện		C _{max}	C
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	4÷50	21,5	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	2÷12	7,2	5,5÷ 9	5,5 ÷ 9
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	2,0	41,2	121,5	150
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	3	42	81	100
5	NH ₄ ⁺	mg/l	SMEWW 4500-NH3 B&F:2023	0,02	0,81	8,1	10
6	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	5	23	150	150
7	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,0	26,4	40,5	50
8	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	0,0004	KPH	0,081	0,1
9	Hg	mg/l	SMEWW 3112B:2023	0,0003	KPH	0,0081	0,01
10	Pb	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,001	KPH	0,405	0,5
11	Cd	mg/l	SMEWW 3113B:2023	0,0003	KPH	0,081	0,1
12	Cr ⁶⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003	KPH	0,081	0,1
13	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023 SMEWW 3113B:2023	0,003	KPH	0,81	1
14	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,08	1,62	2
15	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,10	2,43	3
16	Ni	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,02	KPH	0,405	0,5
17	Mn	mg/l	SMEWW 3500B:2023	0,062	0,16	0,81	1
18	Fe	mg/l	SMEWW 3500B:2023	0,02	1,76	4,05	5
19	CN ⁻ (*)	mg/l	SMEWW 4500-CN- C&E:2023	0,01	KPH	0,081	0,1
20	Phenol (*)	mg/l	TCVN 6216:1996	0,001	KPH	0,405	0,5
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1	KPH	8,1	10
22	S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S2 B&D:2023	0,04	0,16	0,405	0,5

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	  VIETNAM VILAS 070

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Nước đầu ra khu vực trồng cây thử nghiệm, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường bằng đất, phù sa sau tuyển rửa, được bồi tụ trên bờ moong khai thác quặng bauxite Nhân Cơ	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện		C _{max}	C
23	F ⁻	mg/l	SMEWW 4500-F .B&D:2023	0,1	0,17	8,1	10
24	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	3	KPH	32,4	40
25	Tổng P	mg/l	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,02	0,96	4,86	6
26	Cl ⁻	mg/l	TCVN 6194-1996	2,0	68,1	810	1000
27	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2	KPH	1,62	2
28	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	2	2100	5000	5000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	SMEWW 7110B:2023	0,004	KPH	0,1	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	SMEWW 7110B:2023	0,03	KPH	1	1,0
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (*)	mg/l	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E		KPH	0,081	0,1
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ (*)	mg/l			KPH	0,81	1
33	Tổng PCB (*)	mg/l			KPH	0,0081	0,01

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu phân tích bởi nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài (Có phiếu kết quả của nhà cung cấp kèm theo).

- C_{max} là nồng độ tối đa cho phép ($C_{max} = C \times K_q \times K_f$)

- C là giá trị nồng độ tối đa cho phép của chất ô nhiễm quy định trong QCVN 40:2011/BTNMT

- K_q là hệ số theo lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9). K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 0,9).

**ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH**

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

**K.T. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**


Nguyễn Thị Phương Huệ


Lê Bình Dương


Phan Văn Việt

 VIMCERTS 069	TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN PHÒNG NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG Địa chỉ: Số 3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội Điện thoại: 024. 38645253 Fax: 024. 38641564 Website: www.imsat.vn	
--	---	--

Số: 386/2025/N-MT-VKHCNM

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT

Đơn vị yêu cầu quan trắc: Công ty nhôm Đắk Nông - TKV

Thời gian quan trắc: 23/05/2025

Thời gian đo, phân tích: 23/05/2025 – 12/06/2025

Người thực hiện: Nguyễn Thị Phương Huệ, Trần Thị Thuý Linh, Trần Thị Nhài, Nguyễn Trung Hiếu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích		Nguồn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ở CBCNV	C _{max}	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
			Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện				
1	pH	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	-	7,2	5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2021	1,0	70,6	30,2	60	50
3	NO ₃ ⁻	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,019	-	0,38	60	50
4	NH ₄ ⁺	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,02	-	1,16	12	10
5	S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,04	-	0,36	4,8	4
6	PO ₄ ³⁻	mg/l	SMEWW 4500-P.E:2023	0,02	-	0,172	12	10
7	TDS	mg/l	HD/NC/HT8	0 ÷ 1999	-	223	1200	1000
8	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	3	-	24	120	100
9	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	3	12,5	KPH	-	-
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	-	KPH	24	20
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622 - 1:2009	0,03	-	KPH	12	10
12	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2	-	2200	5000	5000

Ghi chú: - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép (C_{max} = C x K)

- C là giá trị nồng độ thông số ô nhiễm quy định trong QCVN 14:2008/ BTNMT

- K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại QCVN 14:2008/ BTNMT (K=1,2).

**ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO,
PHÂN TÍCH**

TP. NCCN MÔI TRƯỜNG

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**






Nguyễn Thị Phương Huệ

Lê Bình Dương

Phan Văn Việt



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03105/2025/PKQ (1815.02W2505.0557-0559)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ - VINACOMIN
Địa chỉ : Số 3, Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Không bảo quản lạnh, không hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 3
Thời gian nhận mẫu : 26/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 26/05/2025 - 06/06/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		
				02W2505.0557	02W2505.0558	02W2505.0559
1.	Tổng xianua ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023	<0,01	<0,01	<0,01
2.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(a,b)	mg/L	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E	<0,00001	<0,00001	<0,00001
3.	Tổng PCBs ^(a,b)	mg/L		<0,00001	<0,00001	<0,00001
4.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(a,b)	mg/L		<0,00004	<0,00004	<0,00004
5.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a,b)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,004	<0,004	<0,004
6.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a,b)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,03	<0,03	<0,03
7.	Tổng phenol ^(a,b)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	<0,001	<0,001

Ghi chú:

- 02W2505.0557: NC1/Q2: Nước thải sản xuất nhà máy Tuyển - Hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1
- 02W2505.0558: NC2/Q2: Nước thải sản xuất nhà máy nhôm - Hệ thống xử lý nước thải tập trung D10
- 02W2505.0559: NC3/Q2: Nước đầu ra khu vực trồng cây thử nghiệm trồng cây cải tạo phục hồi môi trường bằng đất, phù sa sau tuyển rửa, được bồi tụ trên bờ moong khai thác quặng bauxite Nhân Cơ
- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Phố

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2025

KI. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

★ Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SỐ: 02294/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông
Thời gian lấy mẫu: 23/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 23/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ kho chứa tôi vôi (A02)
Tọa độ: X: 1323425 Y: 399732

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	47.043	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	38,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 15h30' ngày 23/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02295/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông
Thời gian lấy mẫu: 24/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 24/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ khu vực số 01, kho chứa và đóng bao Alumin (A19)
Toạ độ: X: 1323475 Y: 454770

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	811	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	38,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 08h30' ngày 24/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02296/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 24/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 24/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ khu vực số 02, kho chứa và đóng bao Alumin (A19)
Toạ độ: X: 1323806 Y: 454465

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	628	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	45,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 09h45' ngày 24/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02297/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 24/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 24/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ khu vực số 03, kho chứa và đóng bao Alumin (A19)
Tọa độ: X: 1323840 Y: 454456

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	768	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	82,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 11h00' ngày 24/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02298/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 24/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 24/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ khu vực số 04, kho chứa và đóng bao Alumin (A19)
Toạ độ: X: 1323875 Y: 454447

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	692	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	46,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 13h30' ngày 24/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02299/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 27/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 27/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh tại trạm nghiền, phân loại than (B02)
Toạ độ: X: 1323643 Y: 400734

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	14.817	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	36,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 08h00' ngày 27/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02300/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 25/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 25/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ quá trình nghiền đá vôi (B13)
Toạ độ: X: 1323732 Y: 400528

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	11.773	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	54,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 14h20' ngày 25/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02301/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 25/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 25/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh tại silo chứa vôi (B13)
Tọa độ: X: 1323681 Y: 400435

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	2.390	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	32,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 13h00' ngày 25/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02302/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông
Thời gian lấy mẫu: 25/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 25/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ băng tải vận chuyển đá vôi (B13)
Toạ độ: X: 1323754 Y: 400553

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	10.052	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	44,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 15h40' ngày 25/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hoài Nam



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02303/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 26/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 26/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ quá trình sàng lọc than (C02)
Tọa độ: X: 1323854 Y: 400823

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	8.899	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	38,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 09h00' ngày 26/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02304/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 28/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 28/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Khí thải phát sinh từ nước rửa khí hóa than (C07)
Toạ độ: X: 1323807 Y: 400508

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	Nồng độ tối đa	
1	NH ₃ ^(d)	mg/Nm ³	KPH (MDL = 0,6)	40	-	JIS K 0099 : 2020
2	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	KPH (MDL = 3)	6	-	JIS K 0108:2010
3	Methyl mercaptan ^(d)	mg/Nm ³	KPH (MDL = 0,007)	-	15	PD CEN/TS 13649:2014

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thời gian lấy mẫu: 10h00' ngày 28/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,3 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079

thực hiện;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu

cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02305/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 25/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 25/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ bunke cấp than số 01 cho lò hơi (B01)
Tọa độ: X: 1323616 Y: 400465

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	3.899	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	30,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 09h00' ngày 25/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02306/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'láp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 25/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 25/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ bunke cấp than số 02 cho lò hơi (B01)
Tọa độ: X: 1323591 Y: 400468

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	3.640	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	32,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 10h20' ngày 25/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02307/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 26/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 26/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ hệ thống cấp than (B02)
Tọa độ: X: 1323694 Y: 400910

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	10.870	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	49,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 15h00' ngày 26/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02308/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 27/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 27/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ băng tải vận chuyển than, kho chứa (C01)
Tọa độ: X: 1323763 Y: 400641

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	4.467	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	29,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 09h30' ngày 27/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02309/2025/PKQ (25.676)

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV
Địa chỉ: Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ - Xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông
Thời gian lấy mẫu: 27/05/2025
Thời gian thử nghiệm: 27/05/2025 – 12/06/2025
Loại mẫu: Khí thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Bụi phát sinh từ băng tải trung chuyển than (C02)
Toạ độ: X: 1323811 Y: 400844

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột B (Kp=0,8 và Kv=1)	
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	8.817	-	US EPA Method 2
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	28,0	160	US EPA Method 5

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 14h00' ngày 27/05/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất

vô cơ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.